

Trường tiểu học B Hòa Lạc	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I	Chữ ký giám thị	MẬT MÃ
Họ và tên:	Năm học: 2013 – 2014		
Lớp Bốn:	Môn: Toán – Lớp: Bốn		
	Thời gian: 40 phút		

ĐIỂM (bằng số)	Điểm (bằng chữ)	Chữ ký giám khảo	MẬT MÃ

Bài 1:

a) Viết vào chỗ trống: (0,5 điểm)

Viết số	Đọc số
347 686	Ba trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi sáu
	Bốn trăm năm sáu nghìn một trăm hai mươi
181 075	

b/ Giá trị của biểu thức $468 : 3 + 61 \times 4$ là: (0,5 điểm)

A.868

B.156 + 244

C. 300

D. 400

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống (1 điểm)

a/. Số 124 chia hết cho 3 ☐

b/. Số 120 vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 3 ☐

Bài 3: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

a/ $48796 + 63584$

.....

.....

.....

c/ $2488 : 35$

.....

.....

.....

b/ $80326 - 45719$

.....

.....

.....

d/ 237×24

.....

.....

.....

Bài 4: Tìm x (1 điểm)

$$846 : x = 18$$

.....

.....

Bài 5: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng: (1 điểm)

a/ Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $10 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \text{ cm}^2$

A. 120

B. 102

C. 1002

D. 1200

b/ Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $3 \text{ tấn } 75 \text{ kg} = \text{ kg}$

A. 375

B. 3075

C. 3705

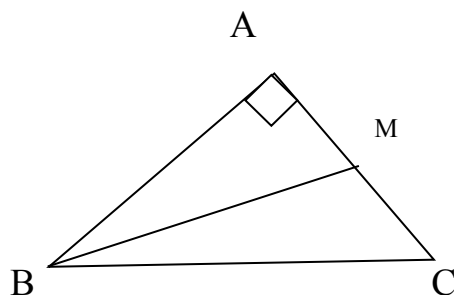
D. 3750

Bài 6: a) Trong hình bên có góc nhọn:

A. 3

B. 4

C. 5



b) Trong hình bên có góc tù:

A. 1

B. 2

C. 3

Bài 7: Bài toán: (2 điểm)

Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 94 m, chiều dài hơn chiều rộng 16 m. Tính diện tích hình chữ nhật đó ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Bài 8: (1 điểm)

Trung bình cộng của hai số là 72. số thứ nhất là 60, tìm số thứ hai.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN LỚP 4
HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2013 -2014

Bài 1: (1 điểm)

a) Học sinh điền đúng mỗi số được 0,25 điểm.

b) (Đ) 0,5 đ

Bài 2: (1 điểm)

Ghi đúng mỗi ý được 0,5 đ : a. (S); b. (Đ)

Bài 3: đặt tính và tính đúng mỗi bài được 0,5 điểm, đặt tính mà tính sai không được điểm.

Bài 4: (1 điểm)

$$846 : x = 18$$

$$x = 846 : 18$$

$$x = 47$$

Bài 5: (1 điểm)

Khoanh đúng mỗi câu được 0,5 điểm: a. (C); b. (B)

Bài 6: (1 điểm)

Khoanh đúng mỗi câu được 0,5 điểm: a. (C); b. (A)

Bài 7: (2 điểm)

Học sinh thực hiện được các yêu cầu sau: Lời giải và phép tính đúng mỗi phần được số điểm phía dưới; lời giải sai, phép tính đúng không tính điểm câu đó chỉ bảo lưu kết quả để tính điểm câu sau. Đơn vị sai không được điểm cả câu. Học sinh có cách giải khác phù hợp căn cứ theo cách giải để cho điểm phù hợp.

Chiều dài của mảnh vườn hình chữ nhật là:

$$(94 + 16) : 2 = 55 \text{ (m)} \quad (0,75 \text{ đ})$$

Chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật là :

$$55 - 16 = 39 \text{ (m)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

Diện tích của mảnh vườn hình chữ nhật là :

$$55 \times 39 = 2145 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

$$\text{Đáp số: } 2145 \text{ m}^2 \quad (0,25 \text{ đ})$$

Bài 8 : (1 điểm)

Tổng của hai số là:

$$72 \times 2 = 144 \quad (0,5 \text{ đ})$$

Số thứ hai là:

$$144 - 60 = 84 \quad (0,5 \text{ đ})$$

Đáp số: 84

Lưu ý: Làm tròn số cho cả bài theo nguyên tắc 0,5 điểm thành 1 điểm.

Ví dụ: 5,25 điểm thành 5 điểm; 5,5 điểm thành 6 điểm; 5,75 điểm thành 6 điểm.